

Số: 41 /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 21 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**  
**KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Xét Báo cáo số 371/BC-UBND ngày 05/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về tình hình kinh tế - xã hội năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2022; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân và giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình kinh tế - xã hội năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất một số nội dung về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, như sau:

**1. Mục tiêu**

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Châu Thành lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025, tạo đà phát triển cho cả nhiệm kỳ và định hướng đến 2030. Từng bước xây dựng huyện Châu Thành trở thành một huyện nông thôn mới phát triển năng động với ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần người dân được nâng cao.

- Thực hiện chủ trương xây dựng bộ máy tinh gọn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; phòng chống tham nhũng, lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác thông tin truyền thông hiệu quả, tạo đồng thuận xã hội, khơi dậy khát vọng và tinh thần đổi mới, sáng tạo, năng động, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tạo động lực mới cho phát triển. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

(1) Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt trên 140 triệu đồng.

(2) Chăn nuôi tập trung (trang trại) chiếm 85% trong lĩnh vực chăn nuôi.

(3) Thu nhập bình quân đầu người đạt 39 triệu đồng/người/năm trở lên.

(4) Sản lượng lúa đạt trên 253.100 tấn; tỷ lệ lúa đặc sản, chất lượng cao chiếm 72,07%. Trong đó: Lúa đặc sản, lúa thơm các loại 42,04%.

(5) Màu lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày 3.000ha.

(6) Tổng đàn gia súc 65.870 con; tổng đàn gia cầm 1.650 nghìn con.

(7) Diện tích nuôi thủy sản 1.000ha; sản lượng thủy, hải sản đạt 2.900 tấn.

(8) Đến cuối năm 2022 có 7/7 xã đạt chuẩn nông thôn mới; phần đầu 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(9) Thu ngân sách nhà nước trong cân đối là 50,7 tỷ đồng, phần đầu thu vượt chỉ tiêu tỉnh giao 12%.

(10) Chỉ số sản xuất công nghiệp địa phương tăng 17%.

(11) Huy động học sinh đầu năm học: 21.550 học sinh (trong đó: Mầm non, mẫu giáo 4.150 cháu (trong đó: Nhà trẻ 350 cháu); Tiểu học 9.500 học sinh; THCS 6.100 học sinh; THPT 1.800 học sinh); phổ cập giáo dục THCS 250 người; tỷ lệ xã đạt phổ cập THCS 100%; xóa mù chữ (15 - 60 tuổi) 80 người.

(12) Tỷ lệ Trường đạt chuẩn quốc gia đạt 98%. Trong đó: Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 chiếm 5,4%.

(13) Tỷ lệ xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế 100%; đạt 200 giường bệnh và 50 bác sĩ; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ phục vụ 100%; tỷ lệ trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 99%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 9,5%.

(14) Giải quyết việc làm mới 2.500 người (trong đó: lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài là 12 người); dạy nghề (kể cả tư nhân): 450 người.

(15) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ là 35,5%.

(16) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2,5%. Trong đó: Giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo 3,5%.

(17) Tổng số gia đình văn hóa mới 24.280 hộ; số người tập luyện thể dục thể thao 44.683 người; số hộ gia đình thể thao 2.579 hộ.

(18) Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung tại đô thị là 86%, tại nông thôn là 78%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99,6%.

(19) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,2% dân số; tỷ lệ tham gia bảo

hiếm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 31,95%.

(20) Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 89%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 77%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 100%; tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải đạt 100%.

### 3. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” theo từng cấp độ dịch áp dụng trên địa bàn huyện; triển khai mô hình Trạm y tế lưu động ứng phó với diễn biến của dịch COVID-19. Phát huy vai trò của các Tổ Covid cộng đồng để giám sát, kêu gọi người dân tuân thủ yêu cầu 5K, các biện pháp giãn cách trong các khu vực phong tỏa, việc xét nghiệm sàng lọc và tiêm vắc-xin. Đồng thời, tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do dịch bệnh theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản phù hợp với đặc điểm thực tế địa phương, từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung với quy mô lớn, gắn sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ, xuất khẩu. Tổ chức liên kết sản xuất thông qua mô hình hợp tác xã, cánh đồng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia liên kết.

- Triển khai các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, mưa bão, thủy triều; tăng cường công tác dự báo tình hình, tuyên truyền vận động nhân dân tuân thủ lịch thời vụ; rà soát lại tất cả hệ thống thủy lợi để có kế hoạch gia cố, sửa chữa, nâng cấp các công trình đê bao; có giải pháp cung cấp đủ nước cho tưới tiêu, sinh hoạt khi xảy ra khô hạn, xâm nhập mặn.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất tham gia đăng ký Chương trình OCOP, qua đó hỗ trợ, đào tạo các xã viên, hộ sản xuất về nghiệp vụ quản lý sản xuất, quản trị kinh doanh.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và dân sinh. Thực hiện đến cuối năm 2022, có 7/7 xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Thường xuyên nắm tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; kịp thời đề xuất giải quyết những vướng mắc của doanh nghiệp; tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện, nhất là thực hiện tốt các chủ trương, chính

sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất.

- Tập trung đầu tư hoàn thiện, phát triển các cụm công nghiệp tập trung, nhất là cụm công nghiệp Xây Đá B và cụm công nghiệp Xây Đá B mới để thu hút và kêu gọi các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, tạo động lực cho các ngành công nghiệp phát triển. Thực hiện tốt các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; quản lý chặt chẽ trật tự xây dựng đô thị, nông thôn. Quan tâm hỗ trợ và kêu gọi nhà đầu tư triển khai các dự án Khu đô thị, nhà ở trên địa bàn huyện.

- Triển khai các giải pháp thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh; tuyên truyền, hỗ trợ các hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ dự án đã được tỉnh cấp chủ trương đầu tư, và chuẩn bị các thủ tục cần thiết nhất để kêu gọi đầu tư các dự án quan trọng của huyện.

- Phân đấu thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước tỉnh giao năm 2022; đảm bảo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu. Quản lý, điều hành ngân sách chặt chẽ, hiệu quả theo Luật Ngân sách và dự toán được giao. Tiếp tục thực hiện nghiêm chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách Nhà nước cũng như các nguồn được huy động từ chủ trương xã hội hóa.

- Khẩn trương triển khai Kế hoạch vốn đầu tư năm 2022. Tập trung mọi nguồn lực, giải quyết có hiệu quả những khó khăn, vướng mắc, bảo đảm giải ngân vốn đầu tư theo Kế hoạch. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng triển khai các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; thực hiện đúng các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục có liên quan đến việc triển khai dự án. Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong từng xã, thị trấn, cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học và mỗi gia đình; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh". Đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao nhất là thể dục - thể thao quần chúng; quan tâm đầu tư phát triển một số môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của huyện.

- Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về Thông tin và Truyền thông trên các lĩnh vực quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ vào cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với xây dựng chính quyền điện tử.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn gắn với việc phòng, chống dịch Covid-19. Triển khai giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học; tiếp tục đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trường học theo yêu cầu

trường đạt chuẩn quốc gia; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

- Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tiếp tục quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, y đức của đội ngũ y, bác sĩ, cán bộ ngành y tế; tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cơ sở, trang thiết bị y tế trên địa bàn; triển khai tốt công tác y tế dự phòng và ngăn ngừa dịch bệnh. Tăng cường thực hiện công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, kịp thời xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện, dạy nghề, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, nhất là làm tốt công tác phối hợp, liên kết trong đào tạo nghề phục vụ cho mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công, người nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội; kết hợp đồng bộ các biện pháp giảm nghèo, hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cho lực lượng cán bộ trong hệ thống chính trị và chức sắc, tín đồ các tôn giáo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường. Xử lý nghiêm cơ sở gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và các nguồn xả thải; tập trung công tác thu gom và xử lý rác thải đô thị, nông thôn. Kiểm soát chặt chẽ môi trường tại cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng,... Khai thác hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 ở các lĩnh vực; tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức tham gia sử dụng dịch vụ công do mình cung cấp. Chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ; xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thi hành công vụ. Tiếp tục triển khai công tác sắp xếp tổ chức bộ máy. Triển khai thực hiện tốt công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tăng cường công tác tiếp công dân, đối thoại với dân; giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh; tích cực kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai còn tồn đọng, kéo dài trên địa bàn. Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn Tổ hòa giải và đội ngũ hòa giải viên, nâng cao năng lực, phát huy đầy đủ vai trò của công tác hòa giải ở cơ sở.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân

dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Chủ động nắm tình hình, xử lý tốt các tình huống về quốc phòng - an ninh, không để bị động, bất ngờ. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ; củng cố, nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

## **Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp thứ 3 thông qua. *mlc*

### **Nơi nhận:**

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.Huyện ủy, TT.HĐND; UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện, khóa XI;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND xã, thị trấn. *mlc*
- Lưu: VT, VP.HĐND và UBND huyện.

**CHỦ TỊCH**



*Sen Po*

**CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022 HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Đính kèm Nghị quyết số. 1) /NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Châu Thành)*



STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CHỈ TIÊU NQ NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021	NGHỊ QUYẾT NĂM 2022	NQ NĂM 2022/THỰC HIỆN NĂM 2021 (tỷ lệ %)	GHI CHÚ
1	Giá trị sản xuất nông nghiệp trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	triệu đồng	130	120	140	116,7	
2	Chăn nuôi tập trung (trang trại) chiếm tỷ trọng trong lĩnh vực chăn nuôi	%	85	94	85	90,4	
3	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng	37	38	39	102,6	
4	Sản lượng lúa	Tấn	248.791	268.762	253.100	94,2	
-	Tỷ lệ lúa đặc sản, lúa chất lượng cao	%			72,07		
TD	Tỷ lệ lúa đặc sản, lúa thơm các loại	%			42,04		
5	Mẫu lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày	Ha	3.000	3.016	3.000	99,5	
6	Chăn nuôi						
-	Tổng đàn gia súc	con	30.000	50.281	65.870	131,0	
-	Đàn gia cầm	ngàn con	1.650	1.755	1.650	94,0	
7	Thủy sản						
-	Diện tích nuôi thủy sản	Ha	1.000	1.026	1.000	97,5	
-	Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	3.000	3.109	2.900	93,3	
8	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	6	6	7	116,7	
9	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	48,400	48,466	50,70	100,1	
	<i>Phần đầu Thu vượt 12% chỉ tiêu tỉnh giao</i>		<i>54,208</i>				
10	Chỉ số sản xuất công nghiệp địa phương tăng	%	15	15	17	113,3	
11	Huy động học sinh đầu năm học	HS	21.526	21.386	21.550	100,8	
+	Mầm non	cháu	4.427	4.260	4.150	97,4	
	<i>Trong đó: Mẫu giáo</i>	<i>cháu</i>	<i>4.032</i>	<i>3.900</i>	<i>3.800</i>	<i>97,4</i>	
+	Tiểu học	HS	9.514	9.504	9.500	100,0	
+	Trung học cơ sở	HS	5.752	5.752	6.100	106,1	
+	Phổ thông trung học	HS	1.833	1.870	1.800	96,3	
-	Tỷ lệ học sinh hoàn thành các cấp học	%	99	99		-	
-	Phổ cập giáo dục THCS	Người	300	504	250	49,6	
-	Tỷ lệ xã đạt phổ cập THCS	%	100	100	100	100,0	
-	Xoá mù chữ (15 đến 60 tuổi)	Người	100	104	80	76,9	
12	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	94,59	94,59	98,0	103,6	
13	Tỷ lệ xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	100	100	100,0	
-	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ phục vụ	%	100	100	100	100,0	
-	Tổng số giường bệnh	Giường	200	211	200	94,8	
-	Tổng số Bác sĩ	bác sĩ	50	43	50	116,3	
-	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	99	85	99	116,5	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	10,00	9,60	9,5	99,0	
14	Giải quyết việc làm mới	Người	2.300	2.485	2.500	100,6	
TD	<i>Lao động đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài</i>	"	<i>10</i>	<i>3</i>	<i>12</i>	<i>400,0</i>	
-	Dạy nghề (kể cả tư nhân)	"	450	542	450	83,0	

15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	34	35	35,5	101,2	
16	Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân	%			2,5		
TĐ	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc Khmer	%			3,5		
17	Văn hóa - TDTT- du lịch						
-	Tổng số gia đình văn hóa mới	Hộ	24.241	24.830	24.280	97,8	
-	Số người tập luyện thể dục thể thao	Người	44.241	28.785	44.683	155,2	
-	Số hộ gia đình thể thao	Hộ	2.349	1.977	2.579	130,5	
18	Nước sạch						
-	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung						
+	Dân số đô thị	%	85,00	84,34	86	102,0	
+	Dân số nông thôn	%	72,00	77,73	78	100,3	
-	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	99,00	99,57	99,60	100,0	
19	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	92,00	65,30	93,2	142,7	
TĐ	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình	%	68,50	53,40	70,5	132,0	
TĐ	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc	%	90,00	70,91	90,5	127,6	
-	Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi	%	24,35	11,60	31,95	275,4	
TĐ	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	22,50	9,80	30	306,1	
TĐ	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	%	1,85	1,04	1,95	187,5	
20	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp và dịch vụ đạt tiêu chuẩn môi trường	%	89,00	100,00	89	89,0	
-	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề đạt tiêu chuẩn môi trường	%	76,00	76,10	77	101,2	
-	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	100,00	100,00	100	100,0	
-	Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,00	100,00	100	100,0	
-	Tỷ lệ cơ sở SX đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,00	100,00	100	100,0	